

**嶺東科技大學 流行設計系 新南向產學合作國際專班  
學生校外實習之工作場所性騷擾防治宣導教育聲明書**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT LĨNH ĐÔNG**  
**KHOA THIẾT KẾ XU HƯỚNG THỊNH HÀNH**  
**LỚP CHUYÊN BAN QUỐC TẾ HỆ TÂN HƯỚNG NAM CHƯƠNG TRÌNH**  
**HỢP TÁC GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP**  
**BẢN TUYÊN BỐ GIÁO DỤC TUYÊN TRUYỀN PHÒNG CHỐNG QUẤY RỐI**  
**TÌNH DỤC TẠI NƠI LÀM VIỆC DÀNH CHO SINH VIÊN THỰC TẬP**  
**NGOÀI TRƯỜNG**

為維護校外實習學生於實習機構安全及學習權益，提供免於性侵害或性騷擾之實習環境，敬請系實習輔導老師在實習前，加強性侵害、性騷擾或性霸凌之防治宣導教育：

Nhằm bảo vệ an toàn và quyền lợi học tập của sinh viên tại đơn vị thực tập, đồng thời cung cấp một môi trường thực tập không có xâm hại tình dục hoặc quấy rối tình dục, kính đề nghị các giáo viên hướng dẫn thực tập của Khoa tăng cường giáo dục tuyên truyền phòng chống xâm hại tình dục, quấy rối tình dục hoặc bắt nạt tình dục trước khi sinh viên bắt đầu thực tập:

### **一、何謂性騷擾? Thế nào là quấy rối tình dục?**

性騷擾係指性侵害犯罪以外，對他人實施違反其意願而與性或性別有關之行為，且有下列情形之一者：

Quấy rối tình dục được hiểu là các hành vi có liên quan đến tình dục hoặc giới tính, thực hiện đối với người khác trái với ý muốn của họ (ngoài các tội phạm về xâm hại tình dục), và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. 以該他人順服或拒絕該行為，作為其獲得、喪失或減損與工作、教育、訓練、服務、計畫、活動有關權益之條件。  
Dùng việc đối phương chấp nhận hoặc từ chối hành vi đó làm điều kiện để người đó có được, mất đi hoặc làm tổn hại đến các quyền lợi liên quan đến công việc, giáo dục, đào tạo, dịch vụ, kế hoạch hoặc hoạt động.
2. 以展示或播送文字、圖畫、聲音、影像或其他物品之方式，或以歧視、侮辱之言行，或以他法，而有損害他人人格尊嚴，或造成使人心生畏怖、感受敵意或冒犯之情境，或不當影響其工作、教育、訓練、服務、計畫、活動或正當生活之進行。  
Bằng cách trưng bày hoặc phát tán văn bản, hình ảnh, âm thanh, video hoặc các vật phẩm khác; hoặc bằng lời nói, hành động phân biệt đối xử, sỉ nhục; hoặc bằng các phương thức

khác làm tổn hại đến nhân phẩm của người khác, hoặc tạo ra môi trường khiến người khác lo sợ, cảm thấy bị thù địch hoặc bị xúc phạm, hoặc ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện công việc, giáo dục, đào tạo, dịch vụ, kế hoạch, hoạt động hoặc đời sống sinh hoạt bình thường của họ.

## **二、實習學生於校外實習期間疑似發生性騷擾事件之適用法規：Các quy định pháp luật áp dụng khi xảy ra nghi vấn về quấy rối tình dục đối với thực tập sinh trong thời gian thực tập ngoài trường:**

1. 性別平等工作法第2條第5項規定：「實習生於實習期間遭受性騷擾時，適用本法之規定。」係指實習單位於接受實習生實習期間，應防治並避免其遭受任何人性騷擾之責任。

Khoản 5 Điều 2 Luật Bình đẳng giới trong lao động quy định: "Khi thực tập sinh bị quấy rối tình dục trong thời gian thực tập, sẽ áp dụng các quy định của Luật này." Đề cập đến trách nhiệm của đơn vị thực tập trong việc ngăn ngừa và tránh để sinh viên bị bất kỳ ai quấy rối tình dục trong suốt quá trình tiếp nhận thực tập.

2. 性別平等教育法第3條第3款定義：「校園性別事件：指事件之一方為學校校長、教師、職員、工友或學生，他方為學生，並有性侵害、性騷擾、性霸凌及校長或教職員工違反與性或性別有關之專業倫理行為。」另外，性別平等教育法第四章校園性別事件之防治及第五章申請調查及救濟訂有專章規範，可知性別平等教育法對於學生有其教育輔導目的。

Khoản 3 Điều 3 Luật Giáo dục bình đẳng giới định nghĩa: "Sự việc về giới trong trường học: Chỉ các sự việc mà một bên là hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, công nhân viên của nhà trường hoặc học sinh sinh viên, và bên còn lại là học sinh sinh viên; bao gồm các hành vi xâm hại tình dục, quấy rối tình dục, bắt nạt tình dục và các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp liên quan đến tình dục hoặc giới tính của hiệu trưởng hoặc cán bộ công nhân viên nhà trường." Ngoài ra, Chương IV "Phòng chống sự việc về giới trong trường học" và Chương V "Đăng ký điều tra và cứu trợ" của Luật Giáo dục bình đẳng giới cũng có các quy định riêng biệt, cho thấy Luật Giáo dục bình đẳng giới có mục đích giáo dục và hướng dẫn đối với học sinh sinh viên.

3. 實習生間於實習期間發生疑似性騷擾事件時，因雙方身分均為學生，並有性別平等工作法及性別平等教育法之適用。鑒於上開兩法令之立法目的、規範對象及處理機制均有不同，爰實習生向實習單位申訴時，實習單位應依性別平等工作法採取立即有效之糾正及補救措施。實習生向學校申訴時，則由學校依性別平等教育法之規定調查處理，以維實習生權益。

Trường hợp xảy ra nghi vấn quấy rối tình dục giữa các sinh viên thực tập với nhau: Do cả hai bên đều có thân phận là sinh viên, nên sẽ đồng thời áp dụng cả "Luật Bình đẳng giới trong lao động" và "Luật Giáo dục bình đẳng giới". Tuy nhiên, do mục đích lập pháp, đối tượng điều chỉnh và cơ chế xử lý của hai bộ luật này khác nhau, nên:

- Khi thực tập sinh khiếu nại với đơn vị thực tập: Đơn vị thực tập phải áp dụng các biện pháp chỉnh sửa và khắc phục kịp thời, hiệu quả theo quy định của "Luật Bình đẳng giới trong lao động".
- Khi thực tập sinh khiếu nại với nhà trường: Nhà trường sẽ tiến hành điều tra và xử lý theo quy định của "Luật Giáo dục bình đẳng giới" để bảo vệ quyền lợi của sinh viên.

4. 惟為免同一事件之事實認定歧異、調查資源浪費之情形，實習生向學校提出申訴時，學校除依性別平等教育法進行調查處理外，並應依性別平等工作法施行細則第4條之1第1項規定：「實習生所屬學校知悉其實習期間遭受性騷擾時，所屬學校應督促實習之單位採取立即有效之糾正及補救措施，並應提供實習生必要協助。」亦即學校進行調查時，應通知實習單位配合共同調查，俾利實習單位善盡雇主防治職場性騷擾之義務。至本案實習生如向地方勞工行政主管機關申訴時，依性別平等工作法施行細則第4條之1第2項規定，得請求教育主管機關及所屬學校共同調查，俾利調查結果之統一。

Nhằm tránh tình trạng mâu thuẫn trong việc xác định sự thật của cùng một vụ việc và lãng phí nguồn lực điều tra: Khi thực tập sinh gửi đơn khiếu nại đến nhà trường, ngoài việc tiến hành điều tra theo "Luật Giáo dục bình đẳng giới", nhà trường cũng phải tuân thủ quy định tại Khoản 1 Điều 4-1 của "Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Bình đẳng giới trong lao động": "Khi trường học của thực tập sinh biết được sinh viên bị quấy rối tình dục trong thời gian thực tập, nhà trường phải đôn đốc đơn vị thực tập áp dụng các biện pháp chỉnh sửa và khắc phục kịp thời, hiệu quả, đồng thời cung cấp sự hỗ trợ cần thiết cho sinh viên." Nói cách khác, khi nhà trường tiến hành điều tra, cần thông báo để đơn vị thực tập phối hợp cùng điều tra, giúp đơn vị thực tập hoàn thành nghĩa vụ của người sử dụng lao động trong việc phòng chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc. Trong trường hợp thực tập sinh khiếu nại lên cơ quan quản lý hành chính lao động địa phương, theo Khoản 2 Điều 4-1 của "Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Bình đẳng giới trong lao động", sinh viên có thể yêu cầu cơ quan quản lý giáo dục và nhà trường cùng phối hợp điều tra để đảm bảo tính thống nhất của kết quả điều tra.

### **三、性騷擾的處理：Xử lý quấy rối tình dục**

性騷擾的廣義解釋，是指一切足以讓人產生不舒服性聯想的故意行為，且是違背個人意願的，可能透過強迫、威脅或不預期等言詞、非言詞和身體接觸的方式發生在任何人身上。

遇到性騷擾的情況大不相同，因此臨場的處理方式及應對技巧也不盡相同，但不論遇到何種情況，切記不要懷疑和壓抑自己的感覺，並應立即採取制止行動。

Theo nghĩa rộng, quấy rối tình dục là tất cả các hành vi cố ý gây ra những liên tưởng không thoải mái về tình dục và trái với ý muốn của cá nhân. Những hành vi này có thể xảy ra với bất kỳ ai thông qua lời nói, phi ngôn ngữ hoặc tiếp xúc thân thể dưới hình thức cưỡng ép, đe dọa hoặc ngoài mong đợi. Mỗi tình huống quấy rối tình dục đều rất khác nhau, vì vậy cách xử lý và kỹ năng ứng phó tại chỗ cũng không giống nhau. Tuy nhiên, dù gặp phải bất kỳ tình huống nào, hãy nhớ kỹ: đừng nghi ngờ hay kìm nén cảm xúc của chính mình, mà hãy lập tức hành động để ngăn chặn hành vi đó.

提供幾點處理性騷擾的方式供校外實習學生參考：

Cung cấp một số phương pháp xử lý quấy rối tình dục để sinh viên thực tập ngoài trường tham khảo :

1. 明白對騷擾者表示抗議，大聲說「不！」要求其立即停止騷擾行為並道歉。

Thể hiện sự phản kháng rõ ràng đối với kẻ quấy rối: Hãy nói to "KHÔNG!", yêu cầu đối phương chấm dứt ngay hành vi quấy rối và phải xin lỗi.

2. 可聯合其他受到相同騷擾的被害人一起勇敢採取行動。

Có thể liên kết với các nạn nhân khác cũng gặp tình trạng quấy rối tương tự để cùng nhau dũng cảm hành động.

3. 相信自己的直覺，不要忽視或懷疑自己，理直氣壯的表達自己的憤怒，向在場的人大聲說出自己的遭遇，阻止騷擾者繼續其騷擾行為，如未來欲提出申訴時，才有人證可以證明騷擾行為確實發生。

Tin vào trực giác của bản thân: Đừng phớt lờ hay nghi ngờ chính mình. Hãy bày tỏ sự phẫn nộ một cách đường hoàng, nói lớn cho những người có mặt tại đó biết về những gì mình đang trải qua để ngăn chặn kẻ quấy rối tiếp tục hành vi. Điều này cũng giúp ích cho việc có nhân chứng xác nhận hành vi quấy rối đã thực sự xảy ra nếu bạn muốn nộp đơn khiếu nại sau này.

4. 拒絕的態度要嚴肅明確，前後一致。

Thái độ từ chối phải nghiêm túc, rõ ràng và nhất quán từ đầu đến cuối.

5. 避免與性騷擾加害者的再次接觸，在公事及私事間劃清界線。

Tránh tiếp xúc lại với thủ phạm quấy rối tình dục: Vạch rõ ranh giới giữa việc công và việc tư.

6. 將自己的遭遇告訴他人，不僅可以避免自己被孤立、獲得情緒上支持，還可和有相同經驗或願意幫忙的朋友一起想辦法，阻止性騷擾的繼續發生。

Chia sẻ chuyện mình gặp phải với người khác: Điều này không chỉ giúp bạn tránh bị cô lập, nhận được sự ủng hộ về mặt cảm xúc, mà còn có thể cùng những người bạn có kinh nghiệm tương tự hoặc những người sẵn sàng giúp đỡ tìm ra cách ngăn chặn sự việc tiếp diễn.

7. 勿期待或要求特別的待遇，天下沒有白吃的午餐。

Đừng mong đợi hoặc yêu cầu sự đối đãi đặc biệt: Hãy nhớ rằng "không có bữa ăn nào là miễn phí" trên đời này.

8. 不要與可能的騷擾者（客戶）共飲，減少應酬或見面的可能性。

Không uống rượu bia cùng những người có khả năng gây quấy rối (ví dụ: khách hàng): Hạn chế tối đa các buổi tiệc tùng, xã giao hoặc các cơ hội gặp mặt không cần thiết.

9. 沉着冷靜，並出其不意的掙脫。使用防身技巧，保護自己，掙脫後並可用各種方式引起旁人注意，利用群眾嚇退、制止騷擾者。

Giữ bình tĩnh và thoát thân một cách bất ngờ: Sử dụng các kỹ năng phòng thân để bảo vệ bản thân. Sau khi thoát khỏi tầm kiểm soát, hãy dùng mọi cách để thu hút sự chú ý của những người xung quanh, tận dụng đám đông để hù dọa và ngăn chặn kẻ quấy rối.

10. 學生於實習期間發生性侵害或性騷擾事件時，應向系實習輔導老師或系主任報告，除協助向實習單位舉報，依校園性別事件防治準則，由相關權責單位處理。亦應逕向本校相關權責單位，進行後續之協助處理，若需心理諮商，協助轉介至本校相關輔導單位。

Khi xảy ra sự việc xâm hại tình dục hoặc quấy rối tình dục trong thời gian thực tập: Sinh viên cần báo cáo ngay với giáo viên hướng dẫn thực tập hoặc Chủ nhiệm khoa. Nhà trường sẽ hỗ trợ tố giác tới đơn vị thực tập và do các đơn vị có thẩm quyền xử lý theo "Quy chuẩn phòng chống sự việc về giới trong trường học". Đồng thời, sinh viên cũng nên trực tiếp liên hệ với các đơn vị có thẩm quyền của trường để nhận được sự hỗ trợ xử lý sau đó. Nếu cần tư vấn tâm lý, nhà trường sẽ hỗ trợ chuyển giới thiệu đến các đơn vị tư vấn và hướng dẫn liên quan.

11. 相關資訊，請參考嶺東科技大學性別平等教育資訊網

Để biết thêm thông tin liên quan, vui lòng tham khảo "Trang thông tin Giáo dục bình đẳng giới của Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Lĩnh Đông"

<https://ltul700.video.ltu.edu.tw/p/categoryPage/65>。

實習學生已經明瞭上述內容 Sinh viên thực tập đã hiểu rõ các nội dung trên :

(簽名或蓋章) (ký tên hoặc đóng dấu)

宣導日期：115年2月25日

Ngày tuyên truyền: Ngày 25 tháng 02 năm 2026

實習輔導老師 Giáo viên hướng dẫn thực tập :

(簽名或蓋章) (ký tên hoặc đóng dấu)

系主任 Chủ nhiệm Khoa :

(簽名或蓋章) (ký tên hoặc đóng dấu)